TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN N** **TỈNH BẮC KẠN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **21**/2023/HS-ST
Ngày: 28-7-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH BẮC KẠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Út Lệ

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đào Việt Hưng

Ông Lý Văn Trường

- Thư ký phiên tòa: Ông Lý Sinh Hà - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Bắc Kạn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa: Ông Nông Văn Thượng - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 7 năm 2023, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Bắc Kạn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 19/2023/TLST-HS ngày 23 tháng 6 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2023/QĐXXST-HS ngày 17 tháng 7 năm 2023 đối với bị cáo:

Hoàng Văn Tr; (Tên gọi khác: Không có), sinh ngày 03 tháng 8 năm 1995 tại huyện B1, tỉnh Bắc Kạn. Nơi ĐKHKTT và chỗ ở: Thôn B, xã M, huyện B1, tỉnh Bắc Kạn; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: Lớp 09/12; Dân tộc: Tày; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Hoàng Văn H, sinh năm 1968 và bà Hứa Thị T, sinh năm 1973; Bị cáo có vợ là Cụt Thị K, sinh năm 1996 (đã ly hôn), và 01 người con, sinh năm 2016.

Tiền án: 02 tiền án. Bản án hình sự sơ thẩm số 59/2019/HSST ngày 05/3/2019 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Thái Nguyên, xử phạt 09 tháng tù, về tội Trộm cắp tài sản; Bản án hình sự sơ thẩm số 02/2022/HS-ST ngày 20/01/2022 của Tòa án nhân dân huyện B1, tỉnh Bắc Kạn, xử phạt 10 tháng tù, về tội Trộm cắp tài sản).

Tiền sự: 01 tiền sự (Quyết định số 274/QĐ-XPHC ngày 31/12/2021 của Công an huyện B2, tỉnh Bắc Kạn xử phạt vi phạm hành chính, phạt tiền 1.500.000 đồng, về hành vi Trộm cắp tài sản, chấp hành xong ngày 05/01/2022.

Bị cáo đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện B1 trong một vụ án khác. Có mặt.

** Người bào chữa cho bị cáo:* Ông Sầm Đức T - Trợ giúp viên pháp lý Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt có lý do.

** Bị hại:* Chị Vi Thị C, sinh năm 1983 - Địa chỉ: Thôn N1, xã T, huyện N, tỉnh Bắc Kạn. Có mặt

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Hoàng Thị N, sinh năm 1970 - Địa chỉ: Tổ dân phố N, thị trấn N1, huyện N2, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 14 giờ ngày 05/01/2023 một mình Hoàng Văn Tr, sinh năm 1995, trú tại thôn B, xã M, huyện B1, tỉnh Bắc Kạn điều khiển xe mô tô biển số đăng ký 97F5-9514 của ông Hoàng Văn H (bố của Tr) từ nhà ở xã M đến Thôn N1, xã T, huyện N, tỉnh Bắc Kạn trên đường đi thì Tr nhìn thấy nhà của chị Vi Thị C, sinh năm 1983, trú tại Thôn N1, xã T, huyện N ở gần đường không có ai ở nhà, cửa khóa, nhìn qua khe cửa bếp thấy bên trong có để nhiều bao thóc, Tr liền nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. Tr dựng xe ở lề đường gần cửa trước nhà bếp và tìm lấy được một thanh kim loại (gắn ở súng bắn cá bằng gỗ) gần cửa bếp nhà chị C để cậy chốt gỗ cửa nhà bếp phía trước rồi mở vào trong nhà bếp, nhìn thấy có nhiều bao thóc đựng trong các bao tải dứa, Tr dùng tay bê 02 (hai) bao thóc ra xe mô tô đã dựng sẵn, một bao để giá phía trước xe, một bao dùng dây cao su buộc ở yên sau xe rồi khép cửa bếp lại. Sau đó, Tr điều khiển xe mô tô chở 02 (hai) bao thóc đến cửa hàng thu mua thóc tại Tiểu Khu 1, thị trấn N1, huyện N của bà Hoàng Thị N, sinh năm 1970, đăng ký thường trú tại tổ dân phố N, thị trấn N1 bán cho bà N hai bao thóc vừa lấy được tại nhà chị C, được tổng số tiền hơn 400.000 đồng và Tr đã tiêu dùng cá nhân hết. Đến khoảng 14 giờ ngày 11/01/2023 Tr điều khiển xe mô tô biển số đăng ký 97B2-090.07 của ông Hoàng Văn H (bố của Tr) tiếp tục đến Thôn N1, xã T, huyện N thấy nhà của chị Vi Thị C không có ai ở nhà, cửa khóa, T nảy sinh ý định trộm cắp tài sản, T điều khiển xe mô tô đi ra phía sau nhà bếp dựng xe ở sân sau gần nhà bếp và nhìn thấy cửa sau bếp được làm bằng gỗ, khóa ngoài, Tr dùng tay nhấc một bên cánh cửa bếp ra khỏi bản lề rồi đi vào trong, dùng tay bê 03 (ba) bao thóc ra xe mô tô đã dựng sẵn, một bao để giá phía trước xe, hai bao dùng dây cao su buộc ở yên sau xe rồi lắp lại cánh cửa bếp như cũ. Sau đó, Tr điều khiển xe mô tô chở 03 (ba) bao thóc đến cửa hàng thu mua thóc tại Tiểu Khu 1, thị trấn N1, huyện N của bà Hoàng Thị N để bán số thóc vừa lấy được nhưng không thấy ai ở nhà, khi Tr đang đợi ở đường thì bị công an xã T, huyện N kiểm tra phát hiện lập biên bản, tạm giữ 03 bao thóc, 01 xe mô tô, 01 dây cao su màu đen và cơ quan công an tiến hành cân xác định khối lượng ba bao thóc Tr lấy được tại nhà chị C, tổng khối lượng ba bao thóc (loại thóc bao thai) khối lượng là 124kg.

Ngày 12/01/2023, cơ quan điều tra đã tạm giữ được hai bao thóc Tr lấy trộm của nhà chị C vào ngày 05/01/2023 do bà N tự nguyện giao nộp, tiến hành cân xác định khối lượng, một bao thóc (loại thóc bao thai) khối lượng là 35kg, một bao thóc (loại thóc nếp) khối lượng là 38kg.

Bản Kết luận định giá tài sản số 12/KL-HĐĐGTS ngày 21/3/2023 của Hội đồng định giá tài sản tố tụng hình sự huyện N kết luận thời điểm xảy ra vụ việc tháng 01/2023: 35kg thóc, loại thóc bao thai giá trị 262.500 đồng; 38kg thóc, loại thóc nếp giá trị 684.000 đồng; 124kg thóc, loại thóc bao thai giá trị 930.000 đồng. Tổng giá trị tài sản thời điểm xảy ra vụ việc ngày 05/01/2023 là 946.500 đồng, ngày 11/01/2023 là 930.000 đồng.

Qua điều tra xác định được, ngày 20/01/2022 Hoàng Văn Tr, sinh năm 1995, trú tại thôn B, xã M, huyện B1, tỉnh Bắc Kạn bị xử phạt 10 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản, theo Bản án số 02/2022/HS-ST của Tòa án nhân dân huyện B, chấp hành xong hình phạt ngày 17/10/2022, chưa được xóa án tích. Ngày 23/02/2023 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B, tỉnh Bắc Kạn đã ra quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị can, ra Lệnh tạm giam đối với Hoàng Văn Tr về tội Trộm cắp tài sản, xảy ra tại huyện B, tỉnh Bắc Kạn trong một vụ án khác.

Tại bản cáo trạng số 20/CT-VKSNS, ngày 21 tháng 6 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện N đã truy tố bị cáo Hoàng Văn Tr về tội: *"Trộm cắp tài sản"* theo điểm b khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N giữ nguyên quan điểm truy tố. Đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về trách nhiệm hình sự: Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 173, Điều 38, điểm h, s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) tuyên bố bị cáo Hoàng Văn Tr phạm tội "Trộm cắp tài sản". Đề nghị xử phạt bị cáo từ 09 tháng đến 12 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

- Không đề nghị áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

- Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo phải bồi thường cho bà Hoàng Thị N số tiền 400.000 đồng bị cáo hưởng lợi do trộm cắp mà có.

- Về xử lý vật chứng trong vụ án: Không đề nghị xem xét.

Người bào chữa cho bị cáo vắng mặt tại phiên tòa có gửi bản bào chữa nhất trí với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N về tội danh, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, mức hình phạt, hình phạt bổ sung, trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng. Đề nghị xử phạt bị cáo mức hình phạt từ 09 đến 12 tháng tù. Về án phí: Đề nghị miễn án phí sơ thẩm cho bị cáo.

Bị cáo khai nhận hành vi của mình đúng như cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện N đã truy tố và nhất trí với quan điểm luận tội của Kiểm sát viên, bản bào chữa của người bào chữa; Bị cáo không có ý kiến tranh luận, bổ sung bào chữa hay khiếu nại gì. Lời sau cùng bị cáo xin lỗi bị hại và mong Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng mức hình phạt nhẹ nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi và quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện N, Kiểm sát viên, người bào chữa trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, những người tham gia tố tụng không có khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều đúng quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, người bào chữa cho bị cáo vắng mặt có gửi trước bản bào chữa cho Tòa án và có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị cáo đồng ý xét xử vắng mặt người bào chữa; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng (đã có đơn xin xét xử vắng mặt). Bị cáo, bị hại, đại diện Viện kiểm sát đề nghị tiếp tục xét xử. Xét thấy người này đã có lời khai trong hồ sơ vụ án, sự vắng mặt của họ không gây trở ngại cho việc xét xử nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt là phù hợp quy định tại Điều 291, 292 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

[2] Về tội danh: Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa là hoàn toàn tự nguyện, khách quan, thống nhất với lời khai tại cơ quan điều tra về thời gian, địa điểm, hành vi phạm tội, phù hợp với lời khai của bị hại, vật chứng, kết quả khám nghiệm hiện trường, lời khai của những người làm chứng, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác định:

Trong các ngày 05 và 11/01/2023 tại nhà bếp chị Vi Thị C, sinh năm 1983, trú tại Thôn N1, xã T, huyện N, Hoàng Văn Tr đã thực hiện hành vi trộm cắp 05 (năm) bao thóc, cụ thể: Khoảng 14 giờ ngày 05/01/2023 trộm 02 (hai) bao thóc, có trị giá 946.500 đồng mang đi bán được số tiền 400.000 đồng sử dụng cá nhân hết. Khoảng 14 giờ ngày 11/01/2023 trộm 03 (ba) bao thóc, có trị giá 930.000 đồng mang đi bán nhưng chưa kịp bán thị bị phát hiện. Hành vi trộm cắp 05 (năm) bao thóc có tổng trị giá 1.876.500 đồng, hành vi trộm cắp các lần này của Tr chưa đủ mức truy cứu trách nhiệm hình sự, tuy nhiên trước đó Tr đã bị Tòa án nhân dân huyện B1 kết án 10 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm. Do vậy, các lần phạm tội này đủ yếu tố cấu thành tội trộm cắp tài sản.

Do đó, bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện N đã truy tố bị cáo theo tội danh và Điều luật đã viện dẫn ở trên là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Điều luật có nội dung:

"1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:...

b) Đã bị kết án về tội này hoặc về một trong các tội quy định tại các điều 168, 169, 170, 171, 172, 174, 175 và 290 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm;

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng"

Xét tính chất vụ án là ít nghiêm trọng, hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những đã xâm phạm trực tiếp quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ mà còn làm ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, gây mất trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn huyện, gây hoang mang trong quần chúng nhân dân. Nguyên nhân, động cơ dẫn đến việc phạm tội của bị cáo: Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được việc làm của mình là vi phạm pháp luật. Bị cáo đã từng bị xét xử bị áp dụng hình phạt tù về tội trộm cắp tài sản, bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi trộm cắp tài sản nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học kinh nghiệm cho bản thân mà vì bản thân nghiện ma túy không có nghề nghiệp ổn định, không có tiền nên đã tiếp tục lợi dụng sơ hở của chủ sở hữu tài sản thực hiện hành vi phạm tội để bán tài sản lấy tiền tiêu dùng cá nhân.

[3] Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, hình phạt đối với bị cáo

Bị cáo là người có nhân thân xấu, có 02 tiền án cùng về tội "Trộm cắp tài sản" 01 tiền sự về hành vi trộm cắp tài sản.

Bị cáo phải chịu 01 tình tiết tăng nặng "*phạm tội 02 lần trở lên*" theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự;

Bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ *"phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn"* và "*Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải*" quy định tại điểm h, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Mặc dù bị cáo phạm tội ít nghiêm trọng và có nhiều tình tiết giảm nhẹ, nhưng bị cáo là người có nhân thân xấu, là đối tượng nghiện ma túy. Sau khi chấp hành hình phạt tù về tội trộm cắp tài sản, bị cáo không lấy đó làm bài học để sửa chữa mà tiếp tục phạm tội. Qua đó, thể hiện bị cáo là người coi thường pháp luật, vì vậy, cần phải có mức hình phạt nghiêm khắc, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù tại trại giam trong một thời gian nhất định mới có đủ tác dụng giáo dục, cải tạo bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội và cũng để răn đe, phòng ngừa chung.

Hình phạt bổ sung: Ngoài hình phạt chính, bị cáo còn có thể phải chịu hình phạt bổ sung là phạt tiền quy định tại khoản 5 Điều 173 của Bộ luật. Tuy nhiên, xét thấy bị cáo không có tài sản, thu nhập do đó không xem xét áp dụng.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại được tài sản trộm cắp và không yêu cầu bị cáo bồi thường gì. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

Quá trình điều tra và trong đơn xin xét xử vắng mặt, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Hoàng Thị N yêu cầu bị cáo trả lại số tiền 400.000 đồng bà đã bỏ ra mua thóc ngày 05/01/2023. Bị cáo nhất trí bồi thường theo yêu cầu của người có quyền lợi,

nghĩa vụ liên quan. Xét yêu cầu của bà N là có căn cứ và hợp pháp nên cần buộc bị cáo phải bồi thường số tiền 400.000 đồng cho bà N.

[5] Về xử lý vật chứng trong vụ án:

- 05 (năm) bao thóc bị cáo trộm cắp đã thu hồi lại được và 01 (một) khẩu súng bắn cá bằng gỗ gắn thanh kim loại bị cáo sử dụng vào việc phạm tội, quá trình điều tra xác định đây là các tài sản hợp pháp của bị hại Vi Thị C, không cần thiết phải tiếp tục tạm giữ, Cơ quan điều tra đã trả lại cho chị C.

- 01 (một) xe mô tô biển số đăng ký 97B2-090.07, nhãn hiệu HONDA, số loại BLADE, màu sơn xanh đen và 01 (một) dây cao su màu đen, qua điều tra xác định đây là các tài sản hợp pháp của ông Hoàng Văn H, ông H không biết bị cáo sử dụng các tài sản, đồ vật này vào hành vi vi phạm pháp luật, không cần thiết phải tiếp tục tạm giữ Cơ quan điều tra đã trả lại các tài sản này cho ông H.

Xét việc trả lại các tài sản trên là đúng quy định nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- 01 xe mô tô biển số đăng ký 97F5-9514 bị cáo sử dụng chở thóc trộm cắp của chị C ngày 05/01/2023 đã bị Cơ quan điều tra Công an huyện B tạm giữ xử lý giải quyết trong một vụ án khác. Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Vấn đề liên quan trong vụ án:

- Đối với ông Hoàng Văn H, khi để chiếc xe mô tô biển số đăng ký 97B2-090.07 ở nhà, bị cáo tự ý lấy xe đi và thực hiện hành vi trộm cắp, ông H không biết bị cáo sử dụng chiếc xe vào hành vi vi phạm pháp luật, cơ quan điều tra không có căn cứ xem xét xử lý. Hội đồng xét xử không xem xét.

- Đối với chiếc xe mô tô biển số đăng ký 97F5-9514 bị cáo sử dụng chở thóc trộm cắp đã bị Cơ quan điều tra Công an huyện B tạm giữ xử lý giải quyết trong một vụ án khác. Cơ quan điều tra Công an huyện N không đề cập xem xét xử lý. Hội đồng xét xử không xem xét.

- Đối với bà Hoàng Thị N, khi bị cáo mang thóc đến bán, bà N không biết các bao thóc do trộm cắp mà có, không hứa hẹn trước với bị cáo về việc mua bán thóc, cơ quan điều tra không có căn cứ xem xét xử lý. Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí: Bị cáo là người dân tộc thiểu số sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định của Chính phủ và có đơn xin miễn án phí. Do vậy bị cáo được miễn toàn bộ án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 173, Điều 38, điểm h, s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017).

Tuyên bố bị cáo Hoàng Văn Tr phạm tội "Trộm cắp tài sản"

Xử phạt bị cáo 12 (Mười hai) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

2. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự, các Điều 584, 585, 586, 589 Bộ luật dân sự năm 2015. Buộc bị cáo Hoàng Văn Tr có trách nhiệm bồi thường thiệt hại về tài sản cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Hoàng Thị N số tiền 400.000đ *(Bốn trăm nghìn đồng).*

Việc thi hành án đối với khoản tiền này được thực hiện theo quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự.

3. Về án phí: Căn cứ Điều 135, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/UBTVQH, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội

Bị cáo được miễn án phí hình sự, dân sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Căn cứ các Điều 331, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Án xử công khai sơ thẩm, bị cáo, bị hại có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn mười năm ngày kể từ ngày tuyên án; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn mười năm ngày kể từ nhận được bản án hoặc niêm yết bản án./.

Nơi nhận:
- VKSND huyện N;
- VKSND tỉnh Bắc Kạn;
- TAND tỉnh Bắc Kạn;
- CA huyện N;
- Chi cục THADS huyện N;
- Sở Tư pháp tỉnh Bắc Kạn;
- Bị cáo;
- Người bào chữa;
- Bị hại;
- Người có QL&NV liên quan;
- Lưu: HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Hoàng Út Lệ